

Luật số: /2026/QH16

DỰ THẢO
16.9.2026**LUẬT**
BẢO VỆ CÔNG TRÌNH QUAN TRỌNG
LIÊN QUAN ĐẾN AN NINH QUỐC GIA

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật Bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Luật này quy định về nguyên tắc bảo vệ, tiêu chí xác định, thẩm quyền xác định, biện pháp bảo vệ, lực lượng bảo vệ, quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, công dân trong bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia; quản lý công trình an ninh, khu an ninh; chính sách trong hoạt động bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

2. Việc bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng, khu quân sự.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia* là công trình, khu vực có tính chất, vị trí, quy mô, chức năng hoặc vai trò đặc biệt quan trọng phải áp dụng các biện pháp bảo vệ để bảo đảm bí mật, an toàn, nếu để xảy ra sự cố hoặc bị phá hoại sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội hoặc sự ổn định và hoạt động bình thường của Nhà nước. Công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia gồm công trình trọng điểm về an ninh quốc gia, công trình an ninh, khu an ninh và công trình quan trọng khác liên quan đến an ninh quốc gia.

2. *Công trình trọng điểm về an ninh quốc gia* là công trình thuộc khu vực trọng yếu theo quy định của pháp luật về cảnh vệ.

3. *Công trình an ninh* là công trình do lực lượng Công an nhân dân quản lý, sử dụng phục vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Công trình an ninh có thể nằm trong hoặc ngoài khu an ninh.

4. *Khu an ninh* là khu vực có giới hạn được thiết lập trên mặt đất, trong lòng đất, trên mặt nước, dưới mặt nước, trên không, xác định chuyên dùng cho các hoạt động phục vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

5. *Công trình quan trọng khác liên quan đến an ninh quốc gia* là công trình thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của các cơ quan, tổ chức, địa phương, trừ các công trình do Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quản lý.

6. *Khu vực cấm* là khu vực được giới hạn bởi ranh giới trên mặt đất, trong lòng đất, trên mặt nước, dưới mặt nước, trên không của công trình an ninh, khu an ninh, công trình quan trọng khác liên quan đến an ninh quốc gia được thiết lập để kiểm soát nghiêm ngặt hoạt động của người, phương tiện, bảo đảm an ninh, an toàn và phòng, chống hành vi xâm nhập, phá hoại, thu thập bí mật nhà nước.

7. *Khu vực bảo vệ* là khu vực được giới hạn bởi ranh giới trên mặt đất, trong lòng đất, trên mặt nước, dưới mặt nước, trên không bao quanh phía ngoài khu vực cấm, được thiết lập để kiểm soát hoạt động của người, phương tiện, bảo đảm an ninh, an toàn cho công trình an ninh, khu an ninh, công trình quan trọng khác liên quan đến an ninh quốc gia.

8. *Hành lang bảo vệ* là khu vực được giới hạn bởi ranh giới trên mặt đất, trong lòng đất, trên mặt nước, dưới mặt nước, trên không bao quanh phía ngoài khu vực cấm hoặc khu vực bảo vệ, được thiết lập theo yêu cầu quản lý, bảo vệ để bảo đảm an ninh, an toàn cho công trình an ninh, khu an ninh, công trình quan trọng khác liên quan đến an ninh quốc gia.

9. *Phạm vi bảo vệ* là giới hạn không gian được thiết lập để quản lý, bảo vệ công trình an ninh, khu an ninh và công trình quan trọng khác liên quan đến an ninh quốc gia; có thể bao gồm đầy đủ khu vực cấm, khu vực bảo vệ, hành lang bảo vệ hoặc chỉ có khu vực cấm hoặc chỉ có khu vực cấm và khu vực bảo vệ hoặc chỉ có khu vực cấm và hành lang bảo vệ hoặc chỉ có khu vực bảo vệ và hành lang bảo vệ.

Điều 3. Nguyên tắc bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; phù hợp với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; bảo đảm an ninh, quốc phòng, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

2. Bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên, là trách nhiệm của toàn dân, của cả hệ thống chính trị, trong đó lực lượng Công an nhân dân làm nòng cốt.

3. Các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia phải được xác định kịp thời, đưa vào danh mục đầy đủ và áp dụng các biện pháp bảo vệ theo quy định. Chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi xâm phạm an ninh, an toàn công trình.

4. Kết hợp hài hòa giữa yêu cầu bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

5. Kết hợp giữa các biện pháp bảo vệ trực tiếp, tại chỗ và các biện pháp bảo vệ gián tiếp, từ xa; ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến, hiện đại vào hoạt động bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

6. Quản lý, bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia phải thống nhất theo quy hoạch, kế hoạch được phê duyệt; phải thường xuyên, chặt chẽ, bảo đảm bí mật, an toàn, đúng mục đích, công năng sử dụng, phù hợp với từng loại công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

7. Trường hợp có quy định khác nhau về biện pháp bảo vệ đối với công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia thì áp dụng các biện pháp để bảo đảm mức độ bảo vệ cao nhất.

Điều 4. Chính sách của Nhà nước trong bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia

1. Bảo đảm nguồn lực cho bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia, ưu tiên địa bàn trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự, công trình đặc biệt quan trọng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia.

2. Có chế độ, chính sách phù hợp cho các lực lượng bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

3. Bảo đảm yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị tác động, ảnh hưởng do hoạt động bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

4. Thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến, hiện đại vào hoạt động bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

Điều 5. Các hành vi bị nghiêm cấm trong bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia

1. xâm nhập trái phép, phá hoại, làm hư hỏng kiến trúc, kết cấu, các trang thiết bị, phương tiện, tấn công mạng, can thiệp trái phép vào hệ thống điều khiển tự động hóa của công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

2. Thu thập trái phép, chiếm đoạt, hủy hoại, làm lộ bí mật, mất hồ sơ, tài liệu, thông tin, quay phim, chụp ảnh, vẽ sơ đồ, định vị tọa độ trái phép công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

3. Lấn chiếm, xây dựng trái phép trong hành lang bảo vệ; khai thác, đặt thiết bị làm ảnh hưởng đến kiến trúc, kết cấu, công năng sử dụng, an toàn, bí mật của công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

4. Sử dụng trái phép, sai mục đích; chuyển mục đích sử dụng, phá dỡ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia trái quy định của pháp luật.

5. Cản trở việc thực hiện nhiệm vụ của lực lượng bảo vệ hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

6. Lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn trong bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Điều 6. Tiêu chí xác định, phân loại công trình an ninh, khu an ninh

1. Theo chức năng nhiệm vụ, mục đích sử dụng, công trình an ninh và khu an ninh phân thành loại A, loại B và loại C.

2. Công trình an ninh và khu an ninh loại A phục vụ nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ huy bảo vệ an ninh quốc gia.

3. Công trình an ninh và khu an ninh loại B phục vụ nhiệm vụ huấn luyện, diễn tập, phục vụ cất trữ, sửa chữa, nghiên cứu, thử nghiệm, sản xuất các sản phẩm an ninh của lực lượng Công an nhân dân.

4. Công trình an ninh, khu an ninh loại C phục vụ sinh hoạt, học tập, làm việc thường xuyên của Công an nhân dân.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 7. Tiêu chí xác định, phân loại công trình quan trọng khác liên quan đến an ninh quốc gia

1. Theo tính chất quan trọng và yêu cầu bảo vệ, công trình quan trọng khác liên quan đến an ninh quốc gia được phân thành loại I, loại II và loại III.

2. Công trình loại I là công trình đặc biệt quan trọng phải áp dụng các biện pháp bảo vệ đặc biệt nghiêm ngặt để bảo đảm bí mật, an toàn tuyệt đối, thuộc phạm vi quản lý của nhiều bộ, ngành, địa phương, nếu bị phá hoại, tấn công, chiếm giữ, gián đoạn hoạt động hoặc mất quyền kiểm soát có thể làm tê liệt hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành quốc gia hoặc gây hậu quả nghiêm trọng trên phạm vi toàn quốc.

3. Công trình loại II là công trình rất quan trọng có yêu cầu bảo vệ nghiêm ngặt, bảo đảm bí mật, an toàn, nếu bị phá hoại, tấn công, chiếm giữ, gián đoạn hoạt động hoặc mất quyền kiểm soát có thể gây hậu quả nghiêm trọng trên phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trở lên hoặc trên phạm vi toàn quốc đối với một lĩnh vực.

4. Công trình loại III là công trình quan trọng có yêu cầu bảo vệ, bảo đảm bí mật, an toàn, thuộc phạm vi quản lý của 01 tỉnh, thành phố, nếu bị xâm phạm có thể gây hậu quả nghiêm trọng trên phạm vi 01 tỉnh, thành phố hoặc một số xã, phường trong tỉnh, thành phố.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

CHƯƠNG II**BẢO VỆ CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM VỀ AN NINH QUỐC GIA****Điều 8. Trách nhiệm bảo vệ công trình trọng điểm về an ninh quốc gia**

1. Bộ Công an là cơ quan đầu mối bảo vệ công trình trọng điểm về an ninh quốc gia và có trách nhiệm:

- a) Đánh giá nguy cơ đe dọa công trình, hướng dẫn cơ quan quản lý, sử dụng công trình xây dựng phương án bảo vệ, tổ chức lực lượng bảo vệ công trình;
- b) Lập hồ sơ bảo vệ công trình trọng điểm về an ninh quốc gia trong đó có bản đồ, sơ đồ, văn bản xác định mốc giới khu vực cấm, khu vực bảo vệ, hành lang bảo vệ;
- c) Xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn bảo vệ công trình;
- d) Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ theo quy định của pháp luật;
- đ) Kiểm tra việc thực hiện phương án bảo vệ của cơ quan quản lý, sử dụng công trình;
- e) Điều phối các lực lượng bảo vệ công trình trong trường hợp cần thiết.

2. Cơ quan quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm:

- a) Xây dựng phương án bảo vệ, tổ chức lực lượng bảo vệ công trình theo hướng dẫn của cơ quan đầu mối bảo vệ công trình trọng điểm về an ninh quốc gia;
- b) Phối hợp, cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ lập hồ sơ bảo vệ công trình, xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn bảo vệ công trình theo đề nghị của cơ quan đầu mối bảo vệ công trình trọng điểm về an ninh quốc gia;
- c) Tổ chức thực hiện phương án bảo vệ.

Điều 9. Xác định phạm vi bảo vệ của công trình trọng điểm về an ninh quốc gia

Việc xác định phạm vi bảo vệ của công trình trọng điểm về an ninh quốc gia được thực hiện theo quy định của pháp luật về cảnh vệ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 10. Biện pháp bảo vệ công trình trọng điểm về an ninh quốc gia

- 1. Các biện pháp bảo vệ theo quy định của pháp luật về cảnh vệ.
- 2. Các biện pháp bảo vệ chống lại nguy cơ đe dọa tấn công trên không gian mạng theo quy định của pháp luật.
- 3. Các biện pháp bảo vệ chống lại nguy cơ đe dọa tấn công bằng phương tiện bay theo quy định của pháp luật.

4. Các biện pháp phòng, chống khủng bố theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp đặc biệt cấp thiết để bảo vệ tuyệt đối an toàn cho công trình trọng điểm về an ninh quốc gia, Thủ tướng Chính phủ quyết định áp dụng các biện pháp bảo vệ mà pháp luật chưa quy định và báo cáo về việc áp dụng các biện pháp này với các cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong thời gian gần nhất.

CHƯƠNG III

QUẢN LÝ, BẢO VỆ CÔNG TRÌNH AN NINH, KHU AN NINH

Mục 1

QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH AN NINH, KHU AN NINH

Điều 11. Nội dung quản lý công trình an ninh và khu an ninh

1. Lập hồ sơ quản lý công trình an ninh và khu an ninh.
2. Bảo quản, bảo trì công trình an ninh.
3. Chuyển mục đích sử dụng công trình an ninh và khu an ninh.
4. Phá dỡ công trình an ninh, di dời khu an ninh.
5. Thống kê, kiểm kê công trình an ninh và khu an ninh.

Điều 12. Lập hồ sơ quản lý công trình an ninh và khu an ninh

1. Hồ sơ quản lý công trình an ninh, khu an ninh, bao gồm:

a) Bản đồ vị trí công trình an ninh, khu an ninh;

b) Bản đồ địa chính hoặc sơ đồ xác định phạm vi sử dụng đất, đất có mặt nước kèm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định của cấp có thẩm quyền về việc giao quản lý, sử dụng đất, đất có mặt nước;

c) Bản đồ, sơ đồ, văn bản xác định mốc giới khu vực cấm, khu vực bảo vệ, hành lang bảo vệ;

d) Hồ sơ thiết kế, hoàn công công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật có liên quan;

đ) Văn bản, tài liệu khác có liên quan (nếu có).

2. Trách nhiệm lập hồ sơ quản lý công trình an ninh, khu an ninh được quy định như sau:

a) Chủ đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan lập hồ sơ quản lý đối với công trình an ninh, khu an ninh được đầu tư xây dựng, thiết lập mới;

b) Đơn vị được giao quản lý chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan lập hồ sơ quản lý đối với công trình an ninh, khu an ninh không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

3. Hồ sơ được xác định độ mật phù hợp với từng loại công trình an ninh, khu an ninh; được lưu trữ, quản lý, sử dụng theo quy định của Luật này và pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 13. Bảo quản, bảo trì công trình an ninh

1. Công trình an ninh được bảo quản, bảo trì thường xuyên và định kỳ theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, bảo đảm an toàn để duy trì khả năng sử dụng theo công năng, nhiệm vụ theo quy định của Bộ Công an.

2. Đơn vị quản lý, sử dụng công trình an ninh có trách nhiệm bảo quản, bảo trì công trình theo kế hoạch và quy trình bảo quản, bảo trì, phù hợp với từng loại công trình an ninh, trang thiết bị lắp đặt trong công trình theo quy định của Bộ Công an.

Điều 14. Chuyển mục đích sử dụng công trình an ninh và khu an ninh

1. Việc chuyển mục đích sử dụng công trình an ninh và khu an ninh phải không làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, bảo đảm bí mật nhà nước; phù hợp với kế hoạch xây dựng, sử dụng hệ thống công trình an ninh, khu an ninh được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Công trình an ninh và khu an ninh được chuyển mục đích sử dụng trong các trường hợp sau:

a) Chuyển mục đích sử dụng công trình an ninh, khu an ninh do Bộ Công an quản lý theo yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội;

b) Không còn nhu cầu sử dụng cho nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và cần chuyển mục đích sử dụng để phát triển kinh tế - xã hội hoặc phục vụ nhu cầu dân sinh;

c) Còn nhu cầu sử dụng cho nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội nhưng nằm trong phạm vi thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được Bộ Công an thống nhất bằng văn bản về chuyển mục đích sử dụng công trình an ninh, khu an ninh trong quá trình phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

3. Thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng công trình an ninh và khu an ninh được quy định như sau:

a) Thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng công trình an ninh và khu an ninh quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai;

b) Bộ trưởng Bộ Công an quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng công trình an ninh, khu an ninh quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp chuyển mục đích sử dụng công trình an ninh, khu an ninh theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bố trí quỹ đất để thiết lập khu an ninh ở vị trí mới phù hợp với nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội;

b) Cơ quan, tổ chức, chủ đầu tư thực hiện dự án phải thực hiện bồi thường, hỗ trợ để xây dựng công trình an ninh, thiết lập khu an ninh ở vị trí mới, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

5. Các trường hợp chuyển mục đích sử dụng công trình an ninh, khu an ninh có gắn với thu hồi đất an ninh thì việc bồi thường, hỗ trợ thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 15. Phá dỡ công trình an ninh, di dời khu an ninh

1. Công trình an ninh được phá dỡ trong các trường hợp sau đây:

a) Bị hư hỏng, xuống cấp nghiêm trọng ảnh hưởng đến an toàn trong quản lý, khai thác, sử dụng;

b) Đã hoàn thành nhiệm vụ đối với công trình được xây dựng, lắp đặt tạm thời;

c) Không còn nhu cầu sử dụng cho nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội nhưng do yêu cầu bảo đảm bí mật Nhà nước mà không được chuyển mục đích sử dụng;

d) Nằm trong phạm vi thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội mà cơ quan, tổ chức, chủ đầu tư thực hiện dự án không có nhu cầu tiếp tục sử dụng hoặc phải phá dỡ để bảo đảm bí mật nhà nước;

đ) Để xử lý các tình huống cấp bách theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Khu an ninh được di dời trong các trường hợp sau đây:

a) Di dời theo yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội;

b) Di dời để thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thẩm quyền quyết định phá dỡ công trình an ninh, di dời khu an ninh được quy định như sau:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định di dời khu an ninh trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này có liên quan đến thu hồi đất và trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

b) Bộ trưởng Bộ Công an quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định phá dỡ công trình an ninh quy định tại khoản 1 Điều này; quyết định di dời khu an ninh trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

4. Việc phá dỡ công trình an ninh, di dời khu an ninh quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thực hiện theo phương án, giải pháp được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo quy định của Bộ Công an.

5. Kinh phí phá dỡ công trình an ninh, di dời khu an ninh được quy định như sau:

a) Ngân sách nhà nước bảo đảm đối với các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này và trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này mà không liên quan đến thu hồi đất an ninh;

b) Cơ quan, tổ chức, chủ đầu tư thực hiện dự án chịu trách nhiệm chi trả đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1, điểm a khoản 2 Điều này có liên quan đến thu hồi đất an ninh và điểm b khoản 2 Điều này.

Điều 16. Thống kê, kiểm kê công trình an ninh, khu an ninh

1. Đơn vị được giao quản lý, sử dụng công trình an ninh, khu an ninh thực hiện thống kê, kiểm kê, tổng kiểm kê theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về thống kê và pháp luật có liên quan.

2. Thời điểm thống kê, kiểm kê được quy định như sau:

a) Thống kê thường xuyên theo yêu cầu, nhiệm vụ quản lý, bảo vệ;

b) Kiểm kê vào cuối kỳ kế toán năm;

c) Tổng kiểm kê theo định kỳ 05 năm hoặc theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 17. Trách nhiệm quản lý công trình an ninh, khu an ninh

1. Bộ trưởng Bộ Công an giao đơn vị trong biên chế đảm nhiệm chuyên trách quản lý, bảo vệ công trình an ninh, khu an ninh.

2. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, Ủy ban nhân dân các cấp phối hợp với Bộ Công an, các đơn vị Công an nhân dân đóng quân trên địa bàn thực hiện quản lý công trình an ninh, khu an ninh tại địa phương.

Mục 2

BẢO VỆ CÔNG TRÌNH AN NINH, KHU AN NINH

Điều 18. Nội dung bảo vệ công trình an ninh, khu an ninh

1. Xác định phạm vi bảo vệ công trình an ninh, khu an ninh.

2. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, phương án bảo vệ, phòng chống các hành vi xâm hại đến an toàn, bí mật của công trình an ninh, khu an ninh; phòng chống thiên tai; phòng chống cháy, nổ.

3. Bảo đảm an toàn về người, vũ khí, công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ và cơ sở vật chất trong quản lý, bảo vệ công trình an ninh, khu an ninh; xây dựng địa bàn nơi có công trình an ninh, khu an ninh ổn định về an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Điều 19. Xác định phạm vi bảo vệ của công trình an ninh, khu an ninh

1. Phạm vi khu vực cấm của công trình an ninh, khu an ninh xác định theo từng loại, yêu cầu quản lý bảo vệ, vị trí, điều kiện địa hình, dân cư nơi có công trình an ninh, khu an ninh và được quy định như sau:

a) Phạm vi khu vực cấm của công trình an ninh được xác định theo ranh giới sử dụng mặt đất, mặt nước và phần mở rộng từ ranh giới đó ra xung quanh. Phần mở rộng được xác định theo từng loại công trình an ninh không vượt quá 55 mét trên mặt đất, 500 mét trên mặt nước;

b) Phạm vi khu vực cấm của khu an ninh được xác định theo ranh giới sử dụng mặt đất, mặt nước của khu an ninh hoặc khoảng không của khu an ninh khi được thiết lập trên không;

c) Phạm vi khu vực cấm trong lòng đất, dưới mặt nước, trên không của công trình an ninh, khu an ninh được xác định theo mặt thẳng đứng từ đường ranh giới khu vực cấm từ mặt đất, mặt nước trở xuống không giới hạn về chiều sâu, lên trên không chiều cao không quá 5.000 mét;

d) Phạm vi khu vực cấm được thể hiện trên sơ đồ, bản đồ và thực địa; có tường rào, hàng rào, hào ngăn cách hoặc cột mốc, biển báo, phao tiêu để xác định ranh giới.

2. Phạm vi khu vực bảo vệ của công trình an ninh, khu an ninh được xác định từ ranh giới của khu vực cấm trở ra xung quanh một khoảng cách nhất định theo từng loại, được thể hiện trên sơ đồ, bản đồ và thực địa, có cột mốc, biển báo, phao tiêu để xác định.

3. Phạm vi hành lang bảo vệ công trình an ninh, khu an ninh được tính từ ranh giới phía ngoài của khu vực bảo vệ hoặc khu vực cấm trở ra xung quanh một khoảng cách nhất định theo loại, yêu cầu quản lý, bảo vệ, vị trí, điều kiện địa hình, dân cư, được thể hiện trên sơ đồ, bản đồ, văn bản của cấp có thẩm quyền.

4. Chính phủ chi tiết phạm vi khu vực cấm, khu vực bảo vệ, hành lang bảo vệ của công trình an ninh, khu an ninh tương ứng với mức độ phân loại.

Điều 20. Chế độ bảo vệ đối với khu vực cấm, khu vực bảo vệ, hành lang bảo vệ công trình an ninh, khu an ninh

1. Chế độ bảo vệ đối với khu vực cấm được quy định như sau:

a) Chỉ thực hiện hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội phù hợp với công năng, nhiệm vụ của công trình an ninh, khu an ninh;

b) Người, phương tiện có nhiệm vụ ra, vào khu vực cấm phải mang theo các loại giấy tờ do cấp có thẩm quyền quy định và được sự đồng ý của cơ quan, người có thẩm quyền; chỉ thực hiện nhiệm vụ được phê duyệt và chịu sự kiểm tra, hướng dẫn của lực lượng bảo vệ;

c) Không được ghi âm, ghi hình, điều tra, khảo sát, định vị, đo vẽ, ghi chép miêu tả, đăng tải, phát tán trên phương tiện thông tin đại chúng, không gian mạng về công trình an ninh, khu an ninh, trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền đồng ý.

d) Không được sử dụng thiết bị bay tự động hoặc có điều khiển, động vật, côn trùng được huấn luyện hoặc được điều khiển bằng thiết bị, gắn thiết bị để thu thập thông tin, hình ảnh, âm thanh, tần số, tín hiệu từ trên không, trên mặt đất, công trình ngầm đối với công trình an ninh, khu an ninh, trừ trường hợp do cơ quan có thẩm quyền yêu cầu với mục đích hợp pháp theo chương trình, kế hoạch và phải bảo đảm, cam kết không làm lộ bí mật về công trình.

2. Chế độ bảo vệ đối với khu vực bảo vệ công trình an ninh, khu an ninh được quy định như sau:

a) Không được thăm dò, khai thác tài nguyên, khoáng sản; hoạt động du lịch; thực hiện dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài;

b) Được thực hiện các hoạt động khi được cấp có thẩm quyền cho phép: xây dựng công trình hạ tầng giao thông, thủy lợi, viễn thông, phòng, chống thiên tai, công trình phục vụ phòng, chống cháy, nổ, cứu hộ, cứu nạn, nhà ở và công trình, vật kiến trúc; tu bổ, tôn tạo, trùng tu, sửa chữa công trình văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; hoạt động của các phương tiện vận chuyển.

c) Cá nhân, hộ gia đình thường trú trong phạm vi bảo vệ được hoạt động canh tác nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp nhưng không được làm biến dạng địa hình tự nhiên;

3. Chế độ bảo vệ đối với hành lang bảo vệ công trình an ninh, khu an ninh được quy định như sau:

a) Hoạt động khai thác tài nguyên rừng, khoáng sản, vật liệu xây dựng, mở mới, mở rộng các điểm du lịch và các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội phải được sự đồng ý bằng văn bản của Bộ Công an;

b) Các dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

4. Toàn bộ khu vực cấm, khu vực bảo vệ, hành lang bảo vệ công trình an ninh, khu an ninh phải được giám sát bằng phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ có

khả năng truyền tải hình ảnh, âm thanh liên tục, trực tiếp đến đơn vị chuyên trách quản lý, bảo vệ công trình an ninh, khu an ninh.

5. Phương tiện bay không được phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình an ninh, khu an ninh, trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền cấp phép.

6. Hoạt động của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài trong phạm vi bảo vệ công trình an ninh, khu an ninh được quy định như sau:

a) Người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài không được cư trú, đi lại, hoạt động trong khu vực cấm, khu vực bảo vệ công trình an ninh, khu an ninh loại A, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này;

b) Người nước ngoài không được thường trú trong hành lang bảo vệ công trình an ninh, khu an ninh;

c) Việc đi lại, hoạt động, tạm trú trong phạm vi bảo vệ công trình an ninh, khu an ninh của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài khi thực hiện hoạt động ngoại giao nhà nước, hợp tác và đối ngoại do Bộ trưởng Bộ Công an quy định.

7. Chính phủ quy định chi tiết điều này.

CHƯƠNG IV

THẨM QUYỀN, TRÌNH TỰ THỦ TỤC ĐƯA VÀO, ĐƯA RA KHỎI DANH MỤC CÔNG TRÌNH QUAN TRỌNG LIÊN QUAN ĐẾN AN NINH QUỐC GIA ĐỐI VỚI CÔNG TRÌNH QUAN TRỌNG KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN AN NINH QUỐC GIA VÀ BẢO VỆ CÔNG TRÌNH QUAN TRỌNG KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN AN NINH QUỐC GIA

Mục 1

THẨM QUYỀN, TRÌNH TỰ THỦ TỤC ĐƯA VÀO, ĐƯA RA KHỎI DANH MỤC CÔNG TRÌNH QUAN TRỌNG LIÊN QUAN ĐẾN AN NINH QUỐC GIA ĐỐI VỚI CÔNG TRÌNH QUAN TRỌNG KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN AN NINH QUỐC GIA

Điều 21. Thẩm quyền quyết định đưa công trình vào Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định đưa vào Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia đối với công trình đáp ứng tiêu chí phân loại là công trình loại I.

2. Bộ trưởng Bộ Công an quyết định đưa vào Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia đối với công trình đáp ứng tiêu chí phân loại là công trình loại II.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định đưa vào Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia đối với công trình đáp ứng tiêu chí phân loại là công trình loại III.

Điều 22. Trình tự, thủ tục đưa công trình vào danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia

1. Đối với công trình loại I

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tự mình hoặc theo đề nghị của Bộ Công an, lập hồ sơ đề nghị đưa công trình vào Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia gửi Bộ Công an để thẩm định;

b) Bộ Công an tiến hành thẩm định sau khi nhận được hồ sơ đề nghị. Trường hợp kết quả thẩm định công trình chưa đủ điều kiện đưa vào Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia, Bộ Công an thông báo bằng văn bản cho cơ quan đề nghị, nêu rõ lý do và yêu cầu cơ quan đề nghị bổ sung hồ sơ để thẩm định lại hoặc thực hiện thủ tục đề nghị đưa vào Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia loại II, loại III. Trường hợp kết quả thẩm định công trình đủ điều kiện đưa vào Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia, Bộ Công an lập báo cáo thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ kèm theo hồ sơ đề nghị

c) Thủ tướng Chính phủ quyết định đưa công trình vào Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia trên cơ sở báo cáo thẩm định của cơ quan thẩm định.

2. Đối với công trình loại II

a) Cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng công trình, tự mình hoặc theo đề nghị của đơn vị chức năng thuộc Bộ Công an, lập hồ sơ báo cáo Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị Bộ Công an đưa công trình vào Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia gửi cơ quan thẩm định theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 25 của Luật này;

b) Cơ quan thẩm định tiến hành thẩm định sau khi nhận được hồ sơ đề nghị. Trường hợp kết quả thẩm định công trình chưa đủ điều kiện đưa vào Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia, cơ quan thẩm định thông báo bằng văn bản cho cơ quan đề nghị, nêu rõ lý do và yêu cầu cơ quan đề nghị bổ sung hồ sơ để thẩm định lại hoặc thực hiện thủ tục đề nghị đưa vào Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia loại III. Trường hợp kết quả thẩm định công trình đủ điều kiện đưa vào Danh mục công trình

quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia, cơ quan thẩm định lập báo cáo thẩm định trình Bộ trưởng Bộ Công an kèm theo hồ sơ đề nghị;

c) Bộ trưởng Bộ Công an quyết định đưa công trình vào Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia trên cơ sở báo cáo thẩm định của cơ quan thẩm định và thông báo bằng văn bản cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có liên quan.

3. Đối với công trình loại III

a) Cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng công trình, tự mình hoặc theo đề nghị của Công an tỉnh, thành phố, lập hồ sơ báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố đề nghị đưa công trình vào Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia gửi Công an tỉnh, thành phố để thẩm định;

b) Công an tỉnh, thành phố tiến hành thẩm định sau khi nhận được hồ sơ đề nghị. Trường hợp kết quả thẩm định công trình chưa đủ điều kiện đưa vào Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia, Công an tỉnh, thành phố thông báo bằng văn bản cho cơ quan đề nghị, nêu rõ lý do và yêu cầu cơ quan đề nghị bổ sung hồ sơ để thẩm định lại. Trường hợp kết quả thẩm định công trình đủ điều kiện đưa vào Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia, Công an tỉnh, thành phố lập báo cáo thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố kèm theo hồ sơ đề nghị;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định đưa công trình vào Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia trên cơ sở báo cáo thẩm định của Công an tỉnh, thành phố.

4. Chính phủ quy định chi tiết điều này.

Điều 23. Hồ sơ đề nghị đưa công trình vào Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia

1. Cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý công trình có trách nhiệm xây dựng hồ sơ đề nghị đưa công trình vào Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

2. Chính phủ quy định hồ sơ đề nghị đưa công trình vào Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

Điều 24. Thẩm định hồ sơ đề nghị đưa vào Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia

1. Trách nhiệm thẩm định

a) Đối với công trình loại I, căn cứ tính chất của công trình, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định thành lập Hội đồng thẩm định với sự tham gia của đại diện các bộ, cơ quan ngang bộ, tỉnh, thành phố, cơ quan, tổ chức có liên quan.

b) Đối với công trình loại II, Bộ trưởng Bộ Công an phân công đơn vị thực hiện thẩm định theo từng lĩnh vực và thông báo bằng văn bản cho các bộ, cơ quan ngang bộ về việc phân công này.

c) Đối với công trình loại III, căn cứ tính chất của công trình, Giám đốc Công an cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định với sự tham gia của đại diện các cơ quan có liên quan và đại diện đơn vị thực hiện thẩm định thuộc Bộ Công an quy định tại điểm b khoản này.

d) Các bộ, cơ quan ngang bộ, tỉnh, thành phố, cơ quan, tổ chức, đơn vị tham gia thẩm định chịu trách nhiệm về ý kiến thẩm định thuộc phạm vi quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực của mình.

2. Hình thức thẩm định gồm: họp Hội đồng thẩm định trong trường hợp có thành lập Hội đồng thẩm định; lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản.

3. Nội dung thẩm định

a) Loại công trình;

b) Sự phù hợp giữa đề xuất biện pháp bảo vệ cho công trình với quy mô, đặc điểm, tính chất của công trình;

c) Đánh giá về tác động của việc áp dụng biện pháp bảo vệ cho công trình đối với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

4. Hội đồng thẩm định, cơ quan thẩm định có thể tổ chức khảo sát trực tiếp công trình, xin ý kiến chuyên gia, nhà khoa học, cán bộ thực tiễn trong quá trình thẩm định.

Điều 25. Đưa ra khỏi Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia

1. Trường hợp đưa ra khỏi Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia

a) Công trình hết thời hạn sử dụng hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng theo quy định của pháp luật và không còn tính chất quan trọng, yêu cầu bảo vệ;

b) Công trình bị phá hủy hoặc hư hại nghiêm trọng và không có khả năng phục hồi;

c) Công trình không còn tính chất quan trọng hoặc yêu cầu bảo vệ theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Thẩm quyền đưa ra khỏi Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định đưa ra khỏi Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia đối với công trình loại I theo đề nghị

của Bộ Công an;

b) Bộ trưởng Bộ Công an quyết định đưa ra khỏi Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia đối với công trình loại II theo đề nghị của cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng công trình hoặc cơ quan thẩm định quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24 của Luật này;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định đưa ra khỏi Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia đối với công trình loại III theo đề nghị của Công an tỉnh, thành phố.

3. Cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý công trình có trách nhiệm xây dựng hồ sơ đề nghị đưa công trình ra khỏi Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

4. Chính phủ quy định trình tự, hồ sơ đề nghị đưa công trình ra khỏi Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia

Điều 26. Thẩm định hồ sơ đề nghị đưa ra khỏi Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia

1. Trách nhiệm, hình thức thẩm định hồ sơ đề nghị đưa ra khỏi danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 24 Luật này.

2. Báo cáo thẩm định phải nêu rõ ý kiến của cơ quan thẩm định về việc công trình không còn tính chất quan trọng hoặc yêu cầu bảo vệ.

Mục 2

BẢO VỆ CÔNG TRÌNH QUAN TRỌNG KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN AN NINH QUỐC GIA

Điều 27. Xác định phạm vi bảo vệ công trình quan trọng khác liên quan đến an ninh quốc gia

1. Phạm vi khu vực bảo vệ của công trình quan trọng khác liên quan đến an ninh quốc gia được xác định theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Trường hợp pháp luật chuyên ngành chưa quy định thì xác định từ ranh giới của công trình trở ra xung quanh một khoảng cách nhất định theo từng loại công trình được thể hiện trên sơ đồ, bản đồ và thực địa, có cột mốc, biển báo, phao tiêu để xác định.

2. Phạm vi hành lang bảo vệ công trình quan trọng khác liên quan đến an ninh quốc gia là giới hạn phần trên không, phần mặt đất, mặt nước, dưới mặt đất, dưới mặt nước ngoài phạm vi khu vực bảo vệ công trình quan trọng khác liên quan đến an ninh quốc gia.

a) Đối với công trình đã được pháp luật chuyên ngành quy định hành lang bảo vệ thì giới hạn cụ thể của hành lang bảo vệ là giới hạn phạm vi an toàn,

cộng thêm phần gia tăng về độ cao, độ sâu, chiều dài, rộng theo đề nghị của Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan thẩm định.

b) Đối với công trình mới xây dựng hoặc pháp luật chưa quy định về hành lang bảo vệ thì phạm vi hành lang bảo vệ do Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan thẩm định đề nghị.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 28. Biện pháp áp dụng đối với khu vực bảo vệ

1. Trong phạm vi khu vực bảo vệ của công trình quan trọng khác liên quan đến an ninh quốc gia được áp dụng các biện pháp bảo vệ theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Trường hợp pháp luật chuyên ngành chưa quy định các biện pháp bảo vệ thì áp dụng các biện pháp đối với khu vực bảo vệ quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật này.

2. Trường hợp cần áp dụng các biện pháp bảo vệ chưa được quy định tại Luật này và pháp luật có liên quan, người có thẩm quyền quyết định đưa công trình vào Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia quyết định cụ thể việc áp dụng các biện pháp bảo vệ này trên cơ sở đề nghị của cơ quan quản lý, sử dụng công trình. Việc áp dụng các biện pháp bảo vệ quy định tại khoản này không được trái với các nguyên tắc quy định tại Điều 3 của Luật này.

Điều 29. Biện pháp áp dụng đối với hành lang bảo vệ

1. Trong phạm vi hành lang bảo vệ công trình quan trọng khác liên quan đến an ninh quốc gia được phép:

a) Xây dựng các công trình phục vụ các hoạt động trực tiếp của công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia;

b) Xây dựng các công trình thủy nông quy mô vừa và nhỏ, các công trình phục vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn;

c) Xây dựng công trình hạ tầng giao thông quy mô vừa và nhỏ để phục vụ hoạt động trực tiếp của công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia và phục vụ phòng, chống cháy, nổ, cứu hộ, cứu nạn.

2. Ngoài các quy định tại khoản 1 Điều này, việc cư trú, sản xuất, kinh doanh trong khu vực hành lang bảo vệ công trình quan trọng khác liên quan đến an ninh quốc gia phải được phép của cơ quan, tổ chức quản lý công trình và không làm ảnh hưởng đến việc bảo vệ công trình.

3. Khi có sự cố cháy, nổ hoặc nguy cơ xảy ra cháy, nổ công trình quan trọng khác liên quan đến an ninh quốc gia, mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trên địa bàn phải phối hợp với người chỉ huy đơn vị bảo vệ tổ chức ngăn chặn, xử lý kịp thời. Nghiêm cấm mọi cá nhân không có trách nhiệm vào khu vực hành lang bảo vệ công trình quan trọng khác liên quan đến an ninh quốc gia trong thời gian có nguy cơ dẫn đến cháy, nổ hoặc đang xảy ra sự cố cháy, nổ

hoặc đang khắc phục sự cố cháy, nổ đối với công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

4. Khi có tình huống khủng bố, nghi khủng bố, có nguy cơ xảy ra khủng bố tại công trình quan trọng khác liên quan đến an ninh quốc gia, mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trên địa bàn phải phối hợp thực hiện các biện pháp phòng, chống khủng bố theo quy định của Luật Phòng, chống khủng bố và phương án phòng, chống khủng bố đã được phê duyệt.

Điều 30. Bảo vệ công trình quan trọng khác liên quan đến an ninh quốc gia trong giai đoạn đầu tư

1. Khi thẩm định chủ trương đầu tư đối với các công trình quy định tại Điều 7 Luật này, cơ quan chủ trì thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình có trách nhiệm lấy ý kiến của Bộ Công an về xác định yêu cầu đưa công trình vào Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

2. Trường hợp xác định đưa công trình vào Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia thì việc bảo vệ công trình được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Luật này.

CHƯƠNG V LỰC LƯỢNG BẢO VỆ CÔNG TRÌNH QUAN TRỌNG LIÊN QUAN ĐẾN AN NINH QUỐC GIA

Điều 31. Lực lượng bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia

1. Lực lượng bảo vệ của Bộ Công an do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định thành lập, gồm lực lượng bảo vệ trực tiếp tại công trình và lực lượng bảo vệ gián tiếp thông qua các phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, có trách nhiệm bảo vệ:

- a) Công trình trọng điểm về an ninh quốc gia;
- b) Công trình an ninh, khu an ninh;
- c) Công trình quan trọng khác liên quan đến an ninh quốc gia do Bộ Công an trực tiếp quản lý;
- d) Công trình thuộc danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia khác khi cơ quan, tổ chức quản lý, sử dụng công trình không bảo đảm khả năng bảo vệ và có yêu cầu hoặc trường hợp khác theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền.

2. Lực lượng bảo vệ của cơ quan, tổ chức quản lý, sử dụng công trình quan trọng khác liên quan đến an ninh quốc gia do người đứng đầu cơ quan, tổ chức quyết định thành lập theo hướng dẫn của Bộ Công an.

3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 và quy định tiêu chuẩn người làm công tác bảo vệ của lực lượng bảo vệ quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 32. Nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng bảo vệ của Bộ Công an trong bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia

1. Nhiệm vụ của lực lượng bảo vệ của Bộ Công an:

- a) Tổ chức thu thập thông tin, phân tích, đánh giá, dự báo tình hình và đề xuất các chủ trương, giải pháp, phương án bảo vệ an ninh, an toàn công trình;
- b) Tiến hành các hoạt động bảo vệ công trình trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật;
- c) Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; trong trường hợp cần thiết vì yêu cầu bảo vệ công trình phải hạn chế các quyền và lợi ích hợp pháp đó thì phải được người có thẩm quyền quyết định;
- d) Tổ chức, chỉ đạo công tác phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh với các hoạt động xâm phạm các quy định bảo vệ công trình;
- đ) Tuần tra, canh gác, giám sát bảo vệ công trình và hành lang bảo vệ công trình;
- e) Hướng dẫn, kiểm tra lực lượng bảo vệ của cơ quan, tổ chức quản lý công trình thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm bảo vệ an ninh, an toàn công trình.

2. Quyền hạn của lực lượng bảo vệ của Bộ Công an:

- a) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu, đồ vật khi có căn cứ xác định liên quan đến hoạt động bảo vệ công trình;
- b) Áp dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật để bảo đảm an ninh, an toàn cho người và công trình trong quá trình khảo sát, thiết kế, xây dựng, khai thác và sử dụng.

Điều 33. Nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng bảo vệ của cơ quan, tổ chức quản lý, sử dụng công trình quan trọng khác liên quan đến an ninh quốc gia

1. Nhiệm vụ của lực lượng bảo vệ của cơ quan, tổ chức quản lý công trình:

- a) Lập kế hoạch bảo vệ, lập phương án và diễn tập phương án bảo vệ công trình;
- b) Phối hợp với cơ quan Công an bảo vệ an ninh, an toàn công trình trong mọi tình huống;
- c) Phối hợp với lực lượng Quân đội và các lực lượng khác tại địa phương thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, an toàn công trình khi có yêu cầu và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các lực lượng;
- d) Tham mưu cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý công trình xây dựng nội quy bảo vệ; hướng dẫn, kiểm tra cán bộ, công chức và những người làm việc trong công trình thực hiện các quy định về công tác bảo vệ;

- đ) Tuân tra, canh gác bảo vệ công trình và hành lang bảo vệ công trình;
- e) Tổ chức công tác phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh với các hành vi xâm phạm công trình;
- g) Thực hiện các quy định về phòng cháy, chữa cháy; bảo vệ an toàn nơi lưu trữ tài liệu, kho tàng cất giữ vật liệu nổ, chất dễ cháy, chất độc hại;
- h) Trường hợp xảy ra sự cố, vụ việc liên quan đến công tác bảo vệ phải thông báo ngay cho cơ quan Công an nơi gần nhất, có biện pháp ngăn chặn kịp thời, bảo vệ hiện trường, tiến hành xác minh và thực hiện các yêu cầu của cơ quan Công an;
- i) Thực hiện những nhiệm vụ khác liên quan đến công tác bảo vệ theo sự hướng dẫn của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Quyền hạn của lực lượng bảo vệ của cơ quan, tổ chức quản lý, sử dụng công trình:

- a) Kiểm tra, đôn đốc các bộ phận, đơn vị, cán bộ, công chức và những người làm việc trong công trình thực hiện các quy định về công tác bảo vệ;
- b) Kiểm tra người, phương tiện ra, vào công trình; xử lý những trường hợp vi phạm quy định về công tác bảo vệ theo quy định của pháp luật;
- c) Được sử dụng các trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật bảo vệ công trình và các biện pháp khác theo sự hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền do pháp luật quy định;
- d) Được sử dụng công cụ hỗ trợ và các phương tiện khác theo quy định của pháp luật khi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ công trình.

Điều 34. Chế độ, chính sách đối với lực lượng bảo vệ và đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia

1. Cán bộ, nhân viên của lực lượng bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia được hưởng đầy đủ các chế độ đối với người lao động; được khen thưởng, được hưởng chế độ ưu đãi khi có thành tích theo quy định của pháp luật; nếu bị thương, hy sinh trong khi thi hành nhiệm vụ, dũng cảm đấu tranh bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia thì được xem xét hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia nếu có thành tích thì được khen thưởng. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an

ninh quốc gia bị tổn hại về danh dự thì được khôi phục, thiệt hại về tài sản thì được bồi thường theo quy định của pháp luật. Cá nhân bị thương tích, tổn hại về sức khỏe hoặc bị thiệt hại về tính mạng trong khi tham gia bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia thì bản thân và gia đình được xem xét hưởng chế độ, chính sách theo quy định của Nhà nước đối với cá nhân tham gia bảo vệ an ninh quốc gia.

Điều 35. Quan hệ phối hợp giữa các lực lượng bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia

1. Bảo vệ công trình khi quy hoạch, đầu tư, thiết kế, xây dựng, cải tạo nâng cấp

a) Lực lượng bảo vệ của Bộ Công an giám sát việc thực hiện các nội dung về bảo đảm an ninh, an toàn theo kế hoạch trong quá trình quy hoạch, đầu tư, thiết kế, xây dựng, như lựa chọn địa điểm thích hợp cho yêu cầu bảo vệ, bố trí hệ thống kỹ thuật bảo vệ; yêu cầu cấm chốt và vận động của lực lượng bảo vệ; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; các phương án, kế hoạch nhằm hạn chế sơ hở hoặc phát huy yếu tố kỹ thuật trong quy hoạch, thiết kế phục vụ yêu cầu bảo vệ.

b) Trường hợp có sự thay đổi về quy hoạch, thiết kế hoặc cải tạo nâng cấp công trình thì phải có đề án cụ thể của thủ trưởng cơ quan chủ quản công trình và phải được phép của người có thẩm quyền quyết định đưa vào Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia quy định tại Điều 21 của Luật này và phải có kế hoạch, phương án bảo vệ công trình cho phù hợp.

2. Bảo vệ công trình khi vận hành khai thác

a) Việc vận hành khai thác công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia phải tuân theo quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật; cơ quan, tổ chức quản lý, sử dụng công trình phải có trách nhiệm bảo đảm an toàn cho công trình, có phương án xử lý, khắc phục kịp thời khi phát hiện khả năng xảy ra sự cố; có biện pháp chủ động phòng chống thiên tai và các tác nhân khác đe dọa gây ra tác hại đối với công trình.

b) Lực lượng bảo vệ của Bộ Công an trực tiếp hoặc hướng dẫn lực lượng bảo vệ của cơ quan, tổ chức quản lý công trình xây dựng và thực hiện phương án, kế hoạch bảo vệ, phòng, chống các hành vi xâm hại đến sự an toàn của công trình; tổ chức thực hành diễn tập đối phó, xử lý các tình huống đột xuất.

3. Lực lượng bảo vệ của Bộ Công an chủ trì, hướng dẫn lực lượng bảo vệ của cơ quan, tổ chức quản lý công trình áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật ứng phó với các mối đe dọa tấn công mạng, tấn công bằng tàu bay không người lái và các mối đe dọa khác đối với công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

4. Chính phủ quy định chi tiết điều này.

CHƯƠNG VI
QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC,
CÁ NHÂN TRONG BẢO VỆ CÔNG TRÌNH QUAN TRỌNG
LIÊN QUAN ĐẾN AN NINH QUỐC GIA

Điều 36. Quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia

1. Tổ chức, cá nhân có quyền sau đây:

a) Cư trú, sản xuất, kinh doanh, đầu tư, xây dựng và các hoạt động khác theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan;

b) Được bồi thường, hỗ trợ khi bị thiệt hại do thực hiện các biện pháp bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan;

2. Tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia;

b) Thông báo, cung cấp thông tin cho chính quyền địa phương hoặc đơn vị quản lý, bảo vệ ngay khi phát hiện hành vi vi phạm quy định về bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia;

c) Thực hiện yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền trong bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia; hỗ trợ, giúp đỡ cơ quan, tổ chức và người có trách nhiệm thực hiện bảo vệ công trình quan trọng có liên quan đến an ninh quốc gia.

Điều 37. Hợp tác quốc tế trong bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia

1. Nguyên tắc hợp tác quốc tế trong bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia

a) Tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, lợi ích quốc gia, không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia, không làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, yêu cầu bảo vệ bí mật các thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước liên quan đến công trình;

b) Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

c) Hợp tác trên tinh thần bình đẳng, chủ động phòng ngừa và ứng phó với các mối đe dọa an ninh xuyên quốc gia đối với công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

2. Nội dung hợp tác quốc tế trong bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia

a) Chia sẻ thông tin về các nguy cơ, phương thức, thủ đoạn tấn công, phá hoại công trình;

b) Phối hợp cảnh báo sớm các mối đe dọa khủng bố, gián điệp, tội phạm xuyên quốc gia nhằm vào công trình;

c) Hợp tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số, hệ thống giám sát, giải pháp bảo mật để nâng cao năng lực quản lý, giám sát và bảo vệ công trình;

d) Hợp tác trong lĩnh vực an ninh mạng và an ninh dữ liệu đối với hệ thống điều khiển tự động của công trình;

đ) Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho lực lượng bảo vệ công trình;

e) Tổ chức hoặc tham gia các hoạt động diễn tập quốc tế về ứng phó sự cố khủng bố, phá hoại, thảm họa hoặc sự cố kỹ thuật ảnh hưởng đến công trình.

Điều 38. Nội dung quản lý nhà nước về bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia

1. Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ công trình.

2. Lập quy hoạch, kế hoạch, phương án, tổ chức phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong công tác bảo vệ; tổ chức nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ phục vụ bảo vệ công trình.

3. Tổ chức đào tạo, huấn luyện cán bộ, nhân viên bảo vệ công trình.

4. Quy định chế độ, chính sách đối với người trực tiếp làm công tác bảo vệ công trình.

5. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến bảo vệ công trình.

6. Hợp tác quốc tế trong bảo vệ công trình.

7. Sơ kết, tổng kết công tác bảo vệ công trình.

Điều 39. Trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

2. Bộ Công an chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

3. Các Bộ chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý, bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia thuộc phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực được giao.

4. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện quản lý, bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia tại địa phương.

5. Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 và khoản 4 Điều này.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 40. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2027.
2. Pháp lệnh Bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia số 32/2007/PL-UBTVQH11 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

Điều 41. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các quyết định của Thủ tướng Chính phủ đưa công trình vào Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia theo quy định tại Pháp lệnh bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia tiếp tục có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Cơ quan quản lý, sử dụng các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định đưa vào Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia theo quy định tại Pháp lệnh bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia có trách nhiệm rà soát, xác định loại công trình theo quy định tại Luật này. Trường hợp công trình không đáp ứng tính chất quan trọng và yêu cầu bảo vệ đối với công trình loại I thì cơ quan quản lý, sử dụng công trình thực hiện thủ tục báo cáo Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ quyết định đưa công trình vào Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia và thực hiện thủ tục đề xuất cấp có thẩm quyền đưa vào Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia theo quy định của Luật này.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày tháng năm 2026.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn